

Bản án số: 07/2023/DS-PT

Ngày 10/02/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh và bà Phạm Thị Thúy Mai.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Quang Đại - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:86/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: Phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý;

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Anh T - Chuyên viên xử lý nợ pháp lý Ngân hàng T (Có mặt).

2. Bị đơn: - Ông Lê Đắc H, sinh năm 1970

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, Trú tại: thành phố Hồ Chí Minh

-Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc(Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H:Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Đắc M, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

- 3.2. Ông Lê Đắc S, sinh năm 1965 (Vắng mặt);
3.3. Bà Dương Thị H1, sinh năm 1967 (Vắng mặt);
Đều có địa chỉ cư trú: huyện B, tỉnh Hà Giang
3.4. Anh Lê Đắc T3 (Vắng mặt);
3.5. Chị Trương Thị H2 (Vắng mặt);
Đều có địa chỉ cư trú: Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc .
3.6. Bà Phan Thị L, sinh năm 1960 (Vắng mặt);
3.7. Anh Lê Đắc H4 (Vắng mặt);
3.8. Chị Nguyễn Thị S1 (Vắng mặt).
Đều có địa chỉ: Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày: Ngày 20/4/2018 ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 và Ngân hàng T (Ngân hàng) ký kết Hợp đồng cho vay số: LN 1804170629586 và Khế ước nhận nợ số 1804170629586. Ngân hàng cho ông H bà T2 vay số tiền là 700.000.000đ, thời hạn vay là 120 tháng tính từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/4/2028, lãi suất là 12,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Tiêu dùng. Các kỳ trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 19, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 19/5/2018 tổng cộng 120 kỳ. Số tiền gốc bên vay trả cho mỗi kỳ là 5.834.000đ, kỳ cuối cùng trả 5.754.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 934, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² ở huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL530708 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 19/3/2018 đứng tên ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN 1804170629586 ngày 19/4/2018, đã được công chứng số 1827/2018/HĐTC ngày 19/4/2018 tại Văn phòng Công chứng Vĩnh Phú. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H bà T2 đã trả đúng thời hạn được (14 kỳ), sau đó thì không trả đúng thời hạn. Do ông H, bà T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay của ông H bà T2 chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19/7/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng và trong quá trình giải quyết tại Tòa án thì ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 699.946.369đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 84.472.925đồng, số tiền nợ quá hạn là 23.745.904đồng, số tiền phạt chậm trả lãi là 681.664đồng tổng cộng là 808.846.862đồng. Tính đến hết ngày 23/8/2022 ông Lê Đắc H, bà Nguyễn Thị T2 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc quá hạn là 53.631đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 30.489.425đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 273.067.821đồng, số tiền phạt chậm trả lãi là 61.835.179đồng (Căn cứ tính phạt chậm trả lãi được tính theo khoản 4 Điều 2 Hợp đồng cho vay).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 phải

thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc nợ quá hạn là 53.631đồng, tiền nợ lãi trong hạn tính đến hết ngày 23/8/2022 là 30.489.425đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 273.067.821đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 61.835.179đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến ngày ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp: Tại thời điểm giao kết hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và vợ chồng ông H, bà T2 thì gia đình ông H, bà T2 không có tranh chấp với các hộ liên kề. Đối với tài sản công trình xây dựng là một phần bếp nhà vệ sinh và 01 bên cổng gia đình ông H, bà T2 xây ngoài diện tích có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 224m² có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H và bà T2.

Trường hợp ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 không trả được nợ Ngân hàng đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền, kê biên, phát mãi, xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 934, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² ở huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 530708, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 19/3/2018 đứng tên ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2. Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ, ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn đã nêu trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ ngày 20/4/2018 cho đến khi trả xong nợ bằng các nguồn thu và tài sản khác của mình.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông H vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình tố tụng bà T2 đã trình bày: Bà thừa nhận về thời gian ký kết hợp đồng, mục đích vay, phương thức cho vay, số tiền vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, thời hạn cho vay, tài sản đảm bảo, số tiền gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi quá hạn đã trả, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi quá hạn chưa trả như Ngân hàng trình bày là đúng. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án thì ngày 02/11/2021 gia đình bà đã trả cho Ngân hàng 500.000.000đồng, ngày 28/5/22 trả 118.251.701đồng số tiền trên Ngân hàng đã trừ vào khoản tiền nợ gốc. Kể từ khi thế chấp tài sản cho Ngân hàng gia đình bà không xây dựng hay kiến thiết thêm bất kỳ tài sản, công trình gì. Khi ông bà xây nhà Anh Lê Đắc M (con trai bà) có đóng góp số tiền khoảng 100.000.000đồng. Bà đồng ý với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, nhưng do kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin trả dần số tiền còn nợ và đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia đình bà được miễn toàn bộ số tiền lãi. Nếu Ngân hàng không đồng ý bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp: Năm 2013 gia đình bà xây 01 ngôi nhà 02 tầng, nhà bếp nhà vệ sinh và công trình chăn nuôi, ông H là người trực tiếp thuê thợ mua nguyên vật liệu để xây nhà, bà là phụ nữ không biết gì về việc xây dựng.

Khi xây nhà bếp, nhà vệ sinh và công thì bà không biết các công trình này lại xây sang đất của gia đình ông Lê Đắc S và ông Lê Đắc T3. Gia đình bà và gia đình ông S, ông Thắng không có tranh chấp gì về đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Lê Đắc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng đã trình bày: Anh là con của ông H bà T2, việc bố mẹ vay tiền của Ngân hàng thế nào anh không biết, đến khi Tòa án gửi thông báo về việc khởi kiện cho gia đình thì anh mới biết. Gia đình anh có thửa đất số 934, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² tài sản trên đất có 01 ngôi nhà xây 02 tầng (xây năm 2013), diện tích đất trên bố mẹ anh đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/03/2018. Khi bố mẹ xây nhà anh có đóng góp và hỗ trợ 100.000.000đồng và 01 cây vàng (9999) quy đổi khoảng 30.000.000đồng, anh gửi tiền cho bố mẹ hai bên không ghi văn bản gì. Thời điểm năm 2013 anh đang học tại Trường Đại học sư phạm thể dục thể thao, nguồn gốc số tiền trên là do anh đi làm thêm tại quán ba và vay mượn của bạn bè (số tiền vay bạn bè hiện chưa trả xong). Nay Ngân hàng yêu cầu bố mẹ anh trả số tiền còn nợ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp bố mẹ đã ký kết với Ngân hàng anh không có ý kiến gì, số tiền anh đóng góp cho gia đình trong việc xây nhà là tài sản thế chấp trong vụ án anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không có yêu cầu độc lập trong vụ án, do bận công việc nên anh xin được giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đắc S, Bà Dương Thị H1 tuy vắng mặt nhưng theo biên bản làm việc ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang ông S, bà H1 cho biết: Ông, bà không cung cấp bất kỳ thông tin gì theo nội dung quyết định ủy thác và cũng không ký giấy tờ gì với lý do, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà đang để ở quê. Do vậy ông bà không biết thông tin về thửa đất để cung cấp cho Tòa án. Đối với phần diện tích đất của ông, bà bị ông H và bà T2 lấn chiếm như bà T2 khai ông, bà không được đo nên không biết có lấn chiếm hay không.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng đã trình bày: Ông Lê Đắc H là em trai chồng bà (chồng bà đã chết), anh Lê Đắc H4 (con trai bà) đi làm ở tỉnh Bắc Giang thỉnh thoảng mới về, chị Nguyễn Thị S1 (con dâu bà) làm công nhân tại Vĩnh Yên sáng đi tối về. Nguồn gốc diện tích đất vợ chồng anh H4, chị S1 đang ở là do gia đình bà mua của ông Lê Đắc S, Bà Dương Thị H1 hai bên chỉ làm giấy viết tay chưa làm thủ tục sang tên. Năm 2013 ông H, bà T2 xây nhà có xây một phần nhà bếp sang phần đất của gia đình bà, gia đình bà và gia đình ông H, bà T2 chưa có sự thống nhất với nhau về mốc giới, nhưng hai gia đình không có tranh chấp gì về đất. Việc vay nợ của ông H, bà T2 không liên quan đến gia đình bà nên bà không đồng ý làm việc với Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thu thập được chứng cứ đối với vợ chồng ông Lê Đắc T3 và bà Trương Thị H2 vì không có mặt ở địa phương, đi làm ăn ở Miền nam không có địa chỉ cụ thể. Không thu thập được chứng cứ đối với vợ chồng anh Lê Đắc H4 và chị Nguyễn Thị S1 vì đi làm không có mặt ở nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng Điều 91, 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 280, 295, 298, 299, 323, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 phải trả nợ cho Ngân hàng T số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn tổng cộng là 302.929.213đ (Ba trăm linh hai triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn hai trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà ông H, bà T2 không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H, bà T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 không trả được số tiền nợ lãi trong hạn và số tiền nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng T theo hợp đồng, thì tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số LN 1804170629586 ngày 19/4/2018 sẽ được xử lý trong phạm vi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 để đảm bảo thu hồi nợ. Phần tài sản thế chấp và công trình xây dựng trên đất được xử lý nằm trong khuôn viên (224m² đất) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và bà T2 được giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc buộc ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 61.835.179đ (Sáu mươi một triệu, tám trăm ba năm nghìn, một trăm bảy chín đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, ngày 07/9/2022 nguyên đơn là Ngân hàng nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện tính lãi chậm trả đối với khoản vay.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản vay của ông H, bà T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án và đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với phần lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH2 cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 23/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm và tuyên án. Ngày 13/9/2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo nguyên đơn. Đơn kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự và đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên yêu cầu kháng cáo là hợp lệ, vụ án được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định ngày 20/4/2018 giữa ông Lê Đắc H, bà Nguyễn Thị T2 và Ngân hàng cùng ký kết hợp đồng cho vay số LN1804170629586 và khế ước nhận nợ số LN1804170629586 có nội dung: Ngân hàng cho ông H, bà T2 vay số tiền 700.000.000 đồng. Thời hạn, mục đích vay và lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền trên theo khế ước nhận nợ số LN1804170629586 ngày 20/4/2018.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ của khoản vay ông H, bà T2 đã thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 934, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² ở huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL530708 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 19/3/2018 đứng tên ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN 1804170629586 ngày 19/4/2018, đã được công chứng số 1827/2018/HĐTC ngày 19/4/2018 tại Văn phòng Công chứng Vĩnh Phú.

Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết. Tài sản đảm bảo đã được công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho bên thế chấp, sau khi thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc

thể chấp là hoàn toàn hợp pháp. Ông H, bà T2 cùng xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 699.946.369đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 84.472.925đồng, số tiền nợ quá hạn là 23.745.904đồng, số tiền lãi chậm trả lãi là 681.664đồng tổng cộng là 808.846.862đồng. Tính đến hết ngày 23/8/2022 ông Lê Đắc H, bà Nguyễn Thị T2 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc quá hạn là 53.631đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 30.489.425đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 273.067.821đồng, số tiền lãi chậm trả lãi là 61.835.179đồng (Căn cứ tính phạt chậm trả lãi được tính theo khoản 4 Điều 2 Hợp đồng cho vay).

Do ông H, bà T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện ông H, bà T2 để thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đúng quy định của luật các tổ chức tín dụng.

Xét thấy, tại bảng kê tính lãi đối với khoản vay của ông H, bà T2 do ngân hàng cung cấp, việc xác định nợ gốc còn lại, cách tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của Ngân hàng phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ và phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm tính lãi suất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H, bà T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của Ngân hàng về việc buộc ông H, bà T2 phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với khoản vay theo quy định của pháp luật:

Theo thỏa thuận tại điểm b, khoản 3, Điều 2 của Hợp đồng cho vay ngày 20/4/2018 giữa ông H, bà T2 và Ngân hàng: “Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”

Căn cứ quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a.Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b.Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

3.Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4.Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Căn cứ vào quy định trên, lãi suất chậm trả lãi được Ngân hàng tính công thức (10% x số ngày tính lãi x lãi lũy kế): 365 là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của Nghị quyết số 01. Cấp sơ thẩm xác định lãi chậm trả trên số nợ lãi trong hạn đối với khoản vay của ông H, bà T2 là chưa phù hợp, kháng cáo của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông H, bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng lãi chậm trả là 61.835.179 đồng.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản, như đã nhận định trên hợp đồng ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp và bên nhận thế chấp kể từ ngày ký kết. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo liên quan đến hợp đồng thế chấp, do đó Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp ông H, bà T2 không thanh toán khoản nợ gốc, lãi nêu trên hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý nhà và đất trên thửa đất số: 934, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² ở huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả.

Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Do sửa lại bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến phân tích, đánh giá chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc:

Căn cứ:

- Các điều 280, 295, 298, 299, 323, 357, 463, 466, 468; Khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147; 165; 166 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2.

1.1. Buộc ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 phải trả nợ cho Ngân hàng T số tiền là 365.446.056 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*). Trong đó, tiền gốc là 53.631đ; số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn tổng cộng là 303.557.246đ và số tiền lãi chậm trả là 61.835.179đ.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/8/2022) cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN1804170629586 ngày 20/4/2018 và khế ước nhận nợ số LN1804170629586 ngày 20/4/2018.

1.3. Trường hợp ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 không thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng T, thì tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số LN 1804170629586 ngày 19/4/2018 sẽ được xử lý theo hợp đồng thế chấp trong phạm vi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 530708 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 19/3/2018 cho ông Lê Đắc H và bà Nguyễn Thị T2 để đảm bảo thu hồi nợ. Phần tài sản thế chấp và công trình xây dựng trên đất được xử lý nằm trong diện tích 224m², thửa đất số 934, tờ bản đồ số 16 ở huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và bà T2 được giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

3. Về án phí:

3.1. Ông Lê Đắc H, bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 18.272.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm,

3.2. Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Ngân hàng T 17.900.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000514 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005611 ngày 14/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Đắc H, bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng T đã nộp số tiền 4.900.000đ. Buộc ông Lê Đắc H, bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T 4.900.000 đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Ngọc